TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 29/2018/HS-ST
Ngày 30 - 10 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn
Thẩm phán: Ông Châu Việt Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Vũ Xuân Điền
Ông Huỳnh Mậu Thìn
Ông Nguyễn Trung Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Dương Quốc Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ ra xét xử số: 32/2018/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thu H**, sinh năm 1963, tại huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm vuông; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn S (hy sinh) và bà Trương Kim A (đã chết); có chồng là Bùi Văn S, sinh năm 1964 và 01 người con sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/9/2013 đến ngày 14/02/2015 cho gia đình bảo lĩnh, ngày 14/4/2015 áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh đến ngày 14/11/2017 bắt tạm giam đến nay, (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Lâm Quốc Tính là Luật sư của Công ty Luật Hợp Danh Tạ Nguyệt Thanh thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị hại:*

1. Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1982. Nơi cư trú: 94C, Khóm 5, Phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau, (vắng mặt).

2. Bà Bùi Thị H, sinh năm 1959. Nơi cư trú: Ấp 2, thị trấn H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Ấp 2, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau, (vắng mặt).

4. Bà Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1956. Nơi cư trú: Ấp 3, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau, (có mặt).

5. Bà Trần Thị E, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Ấp G, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

6. Bà Trần Thị Mai E, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Ấp G, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

7. Bà Võ Ngọc L, sinh năm 1985. Người đại diện theo ủy quyền của bà Luyến: Ông Huỳnh Văn D, sinh năm 1987. Cùng địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

8. Bà Bùi Thị C, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

9. Bà Bùi Thị L, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

10. Bà Dương Thị L, sinh năm 1954. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

11. Ông Hồng Văn C, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

12. Ông Hồng Văn M, sinh năm 1961. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

13. Bà Lâm Phi C, sinh năm 1960. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

14. Bà Lê Hồng T, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

15. Bà Lê Kim N, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

16. Bà Lê Thị T, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

17. Bà Nguyễn Hồng L, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

18. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

19. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

20. Bà Nguyễn Thúy A, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

21. Bà Trà Cẩm N, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

22. Bà Trương Thị Q (vợ 4 L), sinh năm 1957. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

23. Ông Võ Văn T, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

24. Bà Trần Bích T, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Ấp Chòi Mòi, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

25. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Ấp Hòa Phong, xã T A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

26. Bà Khấu Thị A (Khấu Ngọc A), sinh năm 1955. Nơi cư trú: Ấp M, xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

27. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Ấp K, xã T, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

28. Ông Võ Văn T, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Ấp P, xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

29. Ông Dương Thái H, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

30. Bà Nguyễn Hồng L, sinh năm 1952. Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

31. Ông Nguyễn Văng L, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

32. Ông Phạm Công B, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

33. Bà Trần Bé N, sinh năm 1955.Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

34. Bà Trương Thanh T, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

35. Bà Trương Tuyết K, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

36. Bà Võ Thanh T, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

37. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Ấp L, xã T A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

38. Bà Bùi Thị T, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

39. Bà Cao Hồng N, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

40. Bà Châu Thị A, sinh năm 1955. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

41. Ông Châu Văn T, sinh năm 1962. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

42. Ông Đặng Thanh C, sinh năm 1955. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

43. Bà Đặng Tú Q, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

44. Ông Đặng Văn S, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

45. Bà Đỗ Hồng T, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

46. Bà Đỗ Ngọc Đ, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

47. Bà Đỗ Thị A, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

48. Bà Dương Thị C, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

49. Bà Dương Thị L, sinh năm 1957. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

50. Bà Dương Thị U, sinh năm 1936. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

51. Bà Hồ Thị B, sinh năm 1942. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

52. Bà Hồ Thị H, sinh năm 1952. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

53. Bà Hồ Thị K, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

54. Bà Hồ Thị X, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

55. Ông Hồ Văn T, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

56. Bà Hồng Kiều O, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

57. Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

58. Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

59. Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1955. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

60. Ông Huỳnh Văn D, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

61. Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

62. Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1955. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

63. Bà Lâm H N, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

64. Bà Lâm Thị C, sinh năm 1962. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

65. Ông Lâm Văn Đ, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

66. Ông Lâm Văn L, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

67. Bà Lê Hồng N, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

68. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1962. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

69. Bà Lê Thị H, sinh năm 1959. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

70. Bà Lê Thị L, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

71. Bà Lê Thị U, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

72. Ông Lê Văn C, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

73. Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

74. Ông Lê Văn L, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

75. Bà Lý Thị C, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

76. Bà Mai Thị T, sinh năm 1962. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

77. Bà Ngô Thị L, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

78. Bà Nguyễn Cẩm V, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

79. Bà Nguyễn Kiều D, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

80. Bà Nguyễn Kiều M, sinh năm 1987.Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

81. Bà Nguyễn Kiều O (4 C), sinh năm 1976. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

82. Bà Nguyễn Kim H, sinh năm 1950. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

83. Ông Nguyễn Lý S, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

84. Ông Nguyễn Minh C (4 C), sinh năm 1974. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

85. Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

86. Bà Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

87. Bà Nguyễn Phước C, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

88. Bà Nguyễn Thanh K (Mỹ K), sinh năm 1976. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

89. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1953. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

90. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

91. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

92. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

93. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

94. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

95. Bà Nguyễn Thị H (Út C LX), sinh năm 1966. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

96. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

97. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

98. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

99. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1962. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

100. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1956. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

101. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

102. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

103. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

104. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1944. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

105. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1958. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

106. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

107. Bà Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

108. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

109. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

110. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1955. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

111. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

112. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

113. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

114. Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1946. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

115. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1952. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

116. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

117. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1961. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

118. Bà Phan Ái C, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

119. Bà Phan Thị L, sinh năm 1937. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

120. Bà Phan Thị T, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

121. Bà Phan Thống N, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

122. Ông Phan Văn N, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

123. Ông Phố Minh Đ, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

124. Ông Phố Văn T, sinh năm 1949. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

125. Bà Tạ Thị H, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

126. Bà Tăng Thị S, sinh năm 1935. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

127. Bà Tô Kim P, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

128. Bà rần Kim N, sinh năm 1957. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

129. Ông Trần Quốc L, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

130. Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

131. Bà Trần Thị H, sinh năm 1957. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

132. Bà Trần Thị T, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

133. Bà Trần Thị T, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

134. Bà Trần Thị T (M), sinh năm 1984. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

135. Bà Trần Thị T, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

136. Trần Thị U, sinh năm 1952. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

137. Ông Trần Văn C (Út C), sinh năm 1964. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

138. Ông Trần Văn C, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

139. Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

140. Ông Trần Văn D, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

141. Ông Trần Văn P, sinh năm 1946. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

142. Ông Trần Văn Q, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

143. Bà Trương Thị H, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

144. Bà Trương Thị N, sinh năm 1958. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

145. Bà Trương Văn N, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

146. Bà Trần Bé H (Trần Thị H), sinh năm 1944. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

147. Ông Lâm Văn L, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

148. Ông Trần Văn T, sinh năm 1939. Nơi cư trú: Ấp B, xã Đ, huyện D, tỉnh Cà Mau, (vắng mặt).

149. Bà Võ Kim T, sinh năm 1954. Nơi cư trú: Ấp X, xã T, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

150. Bà Nguyễn Thị P (vợ T), sinh năm 1963. Nơi cư trú: Số 55, Ấp 4, thị trấn G, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị N (Trần Thị Kim N), sinh năm 1960. Nơi cư trú: Ấp 2, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau, (vắng mặt).

2. Ông Châu Văn T, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

3. Bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1960. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

4. Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1957. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

5. Bà Nguyễn Kiều O (dâu bà 4 B), sinh năm 1981. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

6. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

7. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

8. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

9. Bà Phan Thị H, sinh năm 1961. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

10. Bà Trịnh Yến O, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

11. Bà Trương Thị B, sinh năm 1954. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

12. Bà Lê Thị B, sinh năm 1953. Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

13. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1954. Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

14. Bà Phạm Thị T (Phạm Thùy T), sinh năm 1978. Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

15. Ông Trần Văn M, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

16. Ông Phạm Văn C, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Ấp Lung Lá, xã T A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

17. Ông Bùi Văn S, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

18. Bà Lê Thị L (2 T), sinh năm 1953. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

19. Bà Bùi Kim B (Bùi Ngọc B), sinh năm 1983. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

20. Bà Châu Thị T, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

21. Ông Châu Văn T, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

22. Bà Đặng Thị C, sinh năm 1955. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

23. Bà Đặng Thị H (Đặng Thị M), sinh năm 1958. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

24. Ông Đặng Văn P, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

25. Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

26. Bà Đoàn Thị Thẳng, sinh năm 1961. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

27. Bà Dương Thị D (T), sinh năm 1970. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

28. Ông Hà Văn B, sinh năm 1942. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

29. Bà Hồ Thị K, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

30. Bà Hồ Thị L, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

31. Bà Hoàng Thu H, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

32. Bà Huỳnh Hồng T, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

33. Bà Huỳnh Kim A, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

34. Bà Khấu Thị C, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

35. Bà Lê Ánh N (Lê Thị N), sinh năm 1973. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

36. Bà Lê Thị L, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

37. Bà Lê Thị M, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

38. Bà Lê Thị T, sinh năm 1961. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

39. Bà Lê Thùy T, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

40. Ông Lê Văn K, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

41. Ông Nguyễn Hồng N, sinh năm 1961. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

42. Bà Nguyễn Kiều O (vợ 4 C), sinh năm 1976. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

43. Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

44. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

45. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1960. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

46. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1945. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

47. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

48. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

49. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1958. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

50. Bà Nguyễn Thu Đ, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

51. Bà Nguyễn Út H, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

52. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

53. Bà Nguyễn Văn K, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

54. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

55. Bà Phan Thị L, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

56. Bà Phan Thị T, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

57. Bà Phan Văn T, sinh năm 1952. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

58. Bà Phan Văn T, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

59. Bà Phố Như Y, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

60. Bà Phương Thị A, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

61. Ông Thi Minh T, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

62. Bà Tô Thị D, sinh năm 1962. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

63. Bà Trần Kim T, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

64. Bà Trần Thị T, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

65. Bà Trần Thu Q, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

66. Ông Trần Văn T, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

67. Bà Trương Thị B, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

68. Bà Trương Thị M, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

69. Bà Võ Thị L, sinh năm 1960. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

70. Bà Trần Thị H, sinh năm 1959. Nơi cư trú: Ấp Xóm Mới, xã Tân Thạnh, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong quá trình làm chủ hụi, từ tháng 01/2010 đến tháng 02/2012; bị cáo Trần Thu H nảy sinh ý thức chiếm đoạt tài sản của người khác, nên bị cáo H lập ra 30 dây hụi, tháng mở một kỳ (28 dây hụi 300.000đ và 02 dây hụi 500.000đ); gần như tất cả các dây hụi bị cáo H đều có lập phần hụi (chưng hụi) khống, ít nhất 01 phần, nhiều nhất 05 phần, lấy các tên khống tham gia như: Hộ Phòng, Tổng, Thi, Lịch, Xây, Nhung,… để lĩnh hụi (hốt hụi). Bên cạnh đó, đến kỳ mở hụi (khui hụi hoặc bỏ thăm hốt hụi), các hụi viên vắng mặt, bị cáo H lấy tên họ để lĩnh hụi. Ngoài ra, bị cáo Trần Thu H còn tìm đến những người có tiền, bịa đặt ra thông tin có hụi viên muốn bán hụi, từ đó các bị hại nghĩ bị cáo H nói thật nên đưa tiền cho bị cáo mua hụi. Nhằm duy trì sự chiếm đoạt tài sản và tránh bị

phát hiện, bị cáo bù tiền vào phần chênh lệch đối với phần hụi đã lĩnh của hụi viên và trả lãi hụi cho người mua như thỏa thuận, đến khi không còn chiếm đoạt tài sản được nữa thì bị cáo Trần Thu H tuyên bố vỡ hụi. Khi bị cáo vỡ hụi, các hụi viên có đơn yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định pháp luật và buộc bị cáo H trả lại tiền bị chiếm đoạt. Với những thủ đoạn nêu trên, bị cáo H chiếm đoạt 991.448.000đ (trong đó lĩnh hụi khống, lĩnh hụi của hụi viên tham gia chơi trong các dây hụi tổng 913.232.000đ và bán hụi khống tổng số tiền 78.216.000đ) của nhiều người dân ở xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và một số hụi viên ngoài xã, cụ thể:

I. Hành vi chiếm đoạt tài sản thông qua thủ đoạn lấy tên khống tham gia chơi hụi để lĩnh hụi và lừa dối hụi viên để lĩnh hụi:

a). Đối với các dây hụi tháng giá 300.000đ/phần

1. Dây hụi mở lần đầu ngày 04/01/2010 (ngày 20/11/2009 âm lịch) có 03 dây, mỗi dây có 36 phần và đã mở được 31 kỳ, cụ thể:

* Dây số 01: Hụi 36 phần, có 28 người tham gia 35 phần, bị cáo H lấy tên Hộ Phòng tham gia 01 phần; hụi đã mở được 31 kỳ, hụi viên lĩnh 19 phần, bị cáo H lĩnh 12 phần (01 phần khống và 11 phần của hụi viên). Hụi viên đóng hụi sống với tổng số tiền 94.960.000đ; gồm: Ngô Thị L, Bùi Thị H mỗi người tham gia 02 phần đóng 11.870.000đ; Huỳnh Văn H, Hồ Thị H, Trần Văn C, Nguyễn Thị L, Phố Văn T, Võ Văn T, Trần Thị Mai E, Trần Văn C, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị Ánh T, Phan Thống N và Trần Bích T mỗi người đóng 5.935.000đ. Hụi viên nợ hụi chết với tổng số tiền 28.500.000đ; gồm: Lê Văn K, Võ Văn T mỗi người lĩnh 02 phần nợ 3.000.000đ; Nguyễn Phước C, Dương Thị C, Nguyễn Thị X, Nguyễn Lý S, Đỗ Ngọc Đ, Đặng Văn S, Bùi Thị H, Hồ Thị K, Trần Thị Đ, Lê Thị U, Lâm Thị C, Huỳnh Văn L, Trần Thị H, Trần Bé H và Phan Thống N mỗi người nợ 1.500.000đ. Sau khi đối trừ số tiền hụi viên nợ hụi chết, bị cáo chiếm đoạt số tiền 66.460.000đ.

* Dây số 02: Hụi 36 phần, có 33 người tham gia 35 phần, bị cáo H lấy tên Hộ Phòng tham gia 01 phần; hụi đã mở được 31 kỳ, hụi viên lĩnh 19 phần, bị cáo H lĩnh 11 phần của hụi viên. Hụi viên đóng hụi sống với tổng số tiền 96.688.000đ; gồm: Bùi Thị H tham gia 02 phần đóng 12.086.000đ; Ngô Thị L, Huỳnh Văn H, Dương Thị C, Bùi Thị C, Hồng Văn M, Phan Văn N, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn T, Phố Văn T, Trần Thị Mai E, Trần Thị E, Trần Văn C, Nguyễn Thị Ánh T và Nguyễn Văn Đ mỗi người đóng 6.043.000đ. Hụi viên nợ hụi chết với tổng số tiền 25.500.000đ; gồm: Nguyễn Phước C, Nguyễn Văn C, Nguyễn Kiều O (Nguyễn Minh C), Nguyễn Thị L, Trần Thị U, Châu Thị T, Nguyễn Thị K, Bùi Thị H, Nguyễn Thị D, Hồ Thị K, Trần Thị H, Đoàn Thị T, Phạm Thị T, Bùi Ngọc B, Phan Thị T, Lê Hồng T và Trần Chí L mỗi người nợ

1.500.000đ. Sau khi đối trừ số tiền hụi viên nợ hụi chết, bị cáo chiếm đoạt số tiền 71.118.000đ.

* Dây số 03: Hụi 36 phần, có 32 người tham gia 35 phần, bị cáo H lấy tên Hộ Phòng tham gia 01 phần; hụi đã mở được 31 kỳ, hụi viên lĩnh 22 phần, bị cáo H lĩnh 09 phần (01 phần khống và 08 phần của hụi viên). Hụi viên đóng hụi sống với tổng số tiền 71.592.000đ, gồm: Bùi Thị H tham gia 02 phần đóng 11.932.000đ; Ngô Thị L, Hồng Văn M, Phan Văn N, Nguyễn Văn L, Trần Thị Mai E, Tạ Thị H, Trần Văn C, Hồ Thị X, Nguyễn Thị Ánh T và Trần Bích T mỗi người đóng 5.966.000đ. Hụi viên nợ hụi chết với tổng số tiền 33.000.000đ; gồm: Châu Văn T, Trần Thị T mỗi người 02 phần nợ 3.000.000đ; Nguyễn Kiều O (Nguyễn Minh C), Trịnh Yến O, Nguyễn Thị L, Bùi Thị C, Lê Hồng T, Nguyễn Hồng L, Khấu Thị C, Nguyễn Thị D, Đỗ Hồng T, Lâm Thị C, Đỗ Thị A, Nguyễn Thu Đ, Nguyễn Thị T, Phạm Thùy T (Phạm Thị T), Lê Hồng N, Hồng Kiều O, Lê Ánh N và Trần Chí L mỗi người nợ 1.500.000đ. Sau khi đối trừ số tiền hụi viên nợ hụi chết, bị cáo chiếm đoạt số tiền 38.592.000đ.

2. Dây hụi mở lần đầu ngày 23/02/2010 (ngày 10/01/2010 âm lịch) có 03 dây, mỗi dây có 38 phần và đã mở được 29 kỳ; cụ thể:

* Dây số 01: Hụi có 38 phần, 28 người tham gia 36 phần, bị cáo H tham gia 01 phần, lấy tên Mộng tham gia 01 phần; hụi đã mở được 29 kỳ, hụi viên lĩnh 11 phần, bị cáo H lĩnh 18 phần (02 phần tham gia và 16 phần của hụi viên). Hụi viên đóng hụi sống với tổng số tiền 132.744.000đ; gồm: Nguyễn Thị M, Bùi Thị H mỗi người tham gia 03 phần đóng 16.593.000đ; Nguyễn Văn B, Tô Thị D, Trần Thị Mai E mỗi người tham gia 02 phần đóng 11.062.000đ; Nguyễn Thị L, Tô Kim P, Lâm Thị C, Trần Văn C, Trương Văn N, Nguyễn Thị D, Nguyễn Ngọc A, Lê Thị Đ, Hồng Kiều O, Nguyễn Kiều O, Huỳnh Văn L, Nguyễn Thị Ánh T mỗi người đóng 01 phần 5.531.000đ. Hụi viên nợ hụi chết với tổng số tiền 29.700.000đ; gồm: Phố Như Ý tham gia 02 phần nợ 5.400.000đ; Mai Thị Tha, Nguyễn Phước Còn, Nguyễn Thị Hóa, Nguyễn Thị Dung, Lê Thị Lệ, Hồ Văn Thôi, Trần Văn Mộng, Đỗ Hồng Tiệp và Trần Thị Nang (Trần Thị Kim Nang) mỗi người nợ 2.700.000đ. Sau khi đối trừ số tiền hụi viên nợ hụi chết, bị cáo chiếm đoạt số tiền 103.044.000đ.

* Dây số 02: Hụi có 38 phần, 33 người tham gia 37 phần, bị cáo H tham gia 01 phần; hụi đã mở được 29 kỳ, hụi viên lĩnh 18 phần, bị cáo H lĩnh 11 phần (01 phần tham gia và 10 phần của hụi viên). Hụi viên đóng hụi sống với tổng số tiền 92.718.000đ; gồm: Trần Thị Mai E, Bùi Thị H mỗi người tham gia 02 phần đóng 10.908.000đ; Nguyễn Thị L, Tô Kim P, Lâm Thị C, Trần Văn C, Nguyễn Văn B, Nguyễn Hồng L, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị Ánh T, Huỳnh Thị L, Nguyễn Phước C, Lê Văn Đ, Nguyễn Thị M và Phố Như Y mỗi người đóng

5.454.000đ. Hụi viên nợ hụi chết với tổng số tiền 48.600.000đ; gồm: Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn B, Tô Thị D, Ngô Thị L, Hồ Thị K, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị X, Trương Thị B, Trần Thị Đ, Trần Thị H, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị T, Phan Thị L, Khấu Thị A, Lê Thị T, Đặng Văn S và Nguyễn Út H mỗi người nợ 2.700.000đ. Sau khi đối trừ số tiền hụi viên nợ hụi chết, bị cáo chiếm đoạt số tiền 44.118.000đ.

* Dây số 03: Hụi có 38 phần, 30 người tham gia 36 phần, bị cáo H tham gia 01 phần và lấy tên Ái tham gia 01 phần; hụi đã mở được 29 kỳ, hụi viên lĩnh 22 phần, bị cáo H lĩnh 07 phần (02 phần tham gia và 05 phần của hụi viên). Hụi viên đóng hụi sống với tổng số tiền 66.252.000đ; gồm: Bùi Thị H, Trần Thị Mai E mỗi người đóng 02 phần 11.042.000đ; Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn B, Nguyễn Hồng N, Phan Thị T, Huỳnh Thị L, Huỳnh Văn L, Nguyễn Thị Ánh T và Hồ Thị X mỗi người đóng 5.521.000đ. Hụi viên nợ hụi chết với tổng số tiền 59.400.000đ; gồm: Dương Thị D; Bùi Kim B mỗi người tham gia 2 phần nợ 5.400.000đ; Tô Thị D, Lê Thùy T, Nguyễn Thu Đ, Lê Văn L, Trần Thị T, Phan Thống N, Nguyễn Thanh T, Trương Thị H, Trương Thị B, Châu Văn T, Trịnh Yến O, Bùi Thị H, Nguyễn Kiều O (Nguyễn Minh C), Nguyễn Kim H, Hồ Thị L, Nguyễn Thị D, Lê Thị T và Trần Thị N (Trần Thị Kim N) mỗi người nợ 2.700.000đ. Sau khi đối trừ số tiền hụi viên nợ hụi chết, bị cáo chiếm đoạt số tiền 6.852.000đ.

3. Dây hụi mở lần đầu ngày 09/5/2010 (ngày 26/3/2010 âm lịch), hụi có 40 phần, đã mở được 27 kỳ, cụ thể:

Hụi có 40 phần, 24 người tham gia 39 phần, bị cáo H tham gia 01 phần; hụi đã mở được 27 kỳ, hụi viên đã lĩnh 19 phần, bị cáo H lĩnh 08 phần (01 phần tham gia và 07 phần của hụi viên). Hụi viên đóng hụi sống với tổng số tiền 99.280.000đ; gồm: Dương Thị L tham gia 04 phần đóng 19.856.000đ, Dương Thị L, Lâm Văn L, mỗi người tham gia 03 phần đóng 14.892.000đ; Trương Tuyết K tham gia 02 phần đóng 9.928.000đ; Lê Hồng T, Nguyễn Thị N, Lâm Văn Đ, Hồng Văn C, Nguyễn Thị H, Trương Văn N, Nguyễn Thị X và Trần Thị H mỗi người đóng 4.964.000đ. Hụi viên nợ hụi chết với tổng số tiền 66.300.000đ; gồm: Tô Thị D nợ 11.700.000đ; Phan Văn T, Nguyễn Thị T, Dương Thị L mỗi người nợ 02 phần 7.800.000đ; Phương Thị A, Nguyễn Thị D, Lê Thị L, Nguyễn Phước C, Nguyễn Thu Đ, Châu Văn T, Phạm Thùy T và Trần Thị H mỗi người nợ 3.900.000đ. Sau khi đối trừ số tiền hụi viên nợ hụi chết, bị cáo chiếm đoạt số tiền 32.980.000đ.

4. Dây hụi mở lần đầu ngày 11/11/2010 (ngày 06/10/2010 âm lịch) có 05 dây, mỗi dây 35 phần và đã mở được 21 kỳ, cụ thể:

* Dây số 01: Hụi có 35 phần, 32 người tham gia 35 phần; hụi mở được 21 kỳ, hụi viên lĩnh 14 phần, bị cáo H lĩnh 07 phần của hụi viên. Hụi viên đóng hụi sống với tổng số tiền 80.808.000đ; gồm: Trần Thị Mai E, Lê Thị H mỗi người tham gia 02 phần đóng 7.696.000đ; Nguyễn Thị L, Nguyễn Thúy A, Trần Thị U, Tô Kim P, Phạm Công B, Nguyễn Văn P, Đặng Văn S, Lê Thị Đ, Nguyễn Cẩm V, Đỗ Ngọc Đ, Trần Văn P, Nguyễn Thị V, Phố Như Y, Nguyễn Văn C (Nguyễn Thị H), Bùi Thị H, Dương Thị L và Hà Văn B mỗi người đóng 3.848.000đ. Hụi viên nợ hụi chết với tổng số tiền 54.600.000đ; gồm: Nguyễn Văn K, Thi Minh T, Nguyễn Văn T, Lê Ánh N, Đặng Thị H, Trần Thu Q, Đỗ Ngọc Đ, Trần Thị T, Phan Văn T, Trần Thị H, Đoàn Thị T, Trần Văn L và Hà Thanh B mỗi người nợ 4.200.000đ. Sau khi đối trừ số tiền hụi viên nợ hụi chết, bị cáo chiếm đoạt số tiền 26.208.000đ.

* Dây số 02: Hụi có 35 phần, 31 người tham gia 33 phần, bị cáo H tham gia 02 phần; hụi đã mở được 21 kỳ, hụi viên lĩnh 11 phần, bị cáo H lĩnh 10 phần (02 phần tham gia và 08 phần của hụi viên). Hụi viên đóng hụi sống với tổng số tiền 84.471.000đ; gồm: Huỳnh Văn C tham gia 03 phần đóng 12.093.000đ; Trần Thị Mai E, Đặng Văn S, Nguyễn Thúy A, Tô Kim P, Ngô Thị L, Phạm Thị N, Lê Thị L, Nguyễn Thị X, Trần Thị Đ, Nguyễn Văn P, Lê Thị H, Nguyễn Thị H, Phan Văn N, Võ Ngọc L, Nguyễn Cẩm V, Nguyễn Thị H, Bùi Thị H mỗi người tham gia 01 phần đóng 4.031.000đ, riêng Nguyễn Thị Ánh T đóng 3.851.000đ. Hụi viên nợ hụi chết với tổng số tiền 46.200.000đ; gồm: Lê Văn L, Châu Văn T, Phan Văn T, Bùi Kim B, Lê Thùy T, Trần Thị Kim N (Trần Thị N), Nguyễn Thị D, Nguyễn Thu Đ, Hà Văn B, Trần Thị H và Hà Thanh B mỗi người nợ 4.200.000đ. Sau khi đối trừ số tiền hụi viên nợ hụi chết, bị cáo chiếm đoạt số tiền 38.271.000đ.

* Dây số 03: Hụi có 35 phần hụi, 30 người tham gia 33 phần, bị cáo H tham gia 01 phần và lấy tên khống tham gia 01 phần; hụi đã mở được 21 kỳ, các hụi viên lĩnh 10 phần, bị cáo H lĩnh 11 phần (01 phần tham gia và 10 phần của hụi viên). Hụi viên đóng hụi sống với tổng số tiền 84.339.000đ; gồm: Bùi Thị H tham gia 04 phần đóng 16.096.000đ; Trần Thị Mai E, Đặng Văn S, Nguyễn Văn P, Dương Thị U, Phạm Công B, Nguyễn Thị X, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn X, Nguyễn Kiều D, Huỳnh Văn H, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị C, Nguyễn Cẩm V, Phố Minh Đ, Trần Văn C, Nguyễn Thị M mỗi người đóng 4.024.000đ và Nguyễn Thị Ánh T đóng 3.859.000đ. Hụi viên nợ hụi chết với tổng số tiền 42.000.000đ; gồm: Trương Thị B, Trần Thị Đ, Trần Thị N (Trần Thị Kim N), Lê Thùy T, Nguyễn Thị D, Nguyễn Văn T, Hồ Thị K, Phan Văn N, Phạm Thùy T và Đ (con Hai B) mỗi người nợ 4.200.000đ. Sau khi đối trừ số tiền hụi viên nợ hụi chết, bị cáo chiếm đoạt số tiền 42.339.000đ.

* Dây số 04: Hụi có 35 phần, 33 hụi viên tham gia 34 phần, bị cáo H lấy tên Út Hường tham gia 01 phần; hụi đã mở được 21 kỳ, các hụi viên đã lĩnh 10

phần, bị cáo H lĩnh 11 phần (01 phần tham gia và 10 phần của hụi viên). Hụi viên đóng hụi sống với tổng số tiền 94.896.000đ; gồm: Bùi Thị H tham gia 02 phần đóng 7.908.000đ; Trần Thị Mai E, Đặng Văn S, Nguyễn Thị M, Trần Thị Đ, Lê Thị U, Nguyễn Thị X, Trần Thị Đ, Lâm Thị C, Nguyễn Văn B, Nguyễn Kiều D, Hồ Thị K, Huỳnh Văn H, Nguyễn Phước C, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn Đ, Trần Văn C, Phạm Thị N, Châu Văn T và Nguyễn Thị K mỗi người đóng 3.954.000đ. Hụi viên nợ hụi chết với tổng số tiền 29.400.000đ; gồm: Nguyễn Văn K, Phan Thị L, Trần Văn T, Hồ Thị K, Nguyễn Thị D, Trương Thị B và Đ (con Hai B) mỗi người nợ 4.200.000đ. Sau khi đối trừ số tiền hụi viên nợ hụi chết, bị cáo chiếm đoạt số tiền 65.496.000đ.

* Dây số 05: Hụi có 35 phần, 29 người tham gia 34 phần, bị cáo H tham gia 01 phần; hụi đã mở được 21 kỳ, các hụi viên lĩnh 11 phần, bị cáo H lĩnh 10 phần (01 phần tham gia và 09 phần của hụi viên). Hụi viên đóng hụi sống với tổng số tiền 86.812.000đ; gồm: Trần Thị E, Châu Văn T, Bùi Thị H mỗi người tham gia 02 phần đóng 7.892.000đ; Trần Thị Mai E, Đặng Văn S, Khấu Thị A, Võ Thị L, Lý Thị C, Đỗ Văn T, Lê Thị U, Đỗ Hồng T, Tăng Thị S, Lâm Thị C, Nguyễn Văn B, Nguyễn Phước C, Nguyễn Thị K, Trần Thị T, Nguyễn Lý S và Trần Văn P mỗi người đóng 3.946.000đ. Hụi viên nợ hụi chết với tổng số tiền 46.200.000đ; gồm: Trần Thị H, Nguyễn Văn K mỗi người lĩnh 02 phần nợ 8.400.000đ; Phương Thị A, Đỗ Văn T, Nguyễn Hồng N, Đặng Văn P, Nguyễn Thị D, Khấu Thị C, Lê Thùy T và Phan Văn T mỗi người nợ 4.200.000đ. Sau khi đối trừ số tiền hụi viên nợ hụi chết, bị cáo chiếm đoạt số tiền 40.612.000đ.

5. Dây hụi mở lần đầu ngày 28/02/2011 (ngày 26/01/2011 âm lịch) có 07 dây, mỗi dây 38 phần và đã mở được 17 kỳ, cụ thể:

* Dây số 01: Hụi có 38 phần, 33 hụi viên tham gia 36 phần, bị cáo H 01 phần và lấy tên Linh Nguyện tham gia 01 phần; hụi đã mở được 17 kỳ, các hụi viên lĩnh 12 phần, bị cáo H lĩnh 05 phần (01 phần tham gia và 04 phần của hụi viên). Hụi viên đóng hụi sống với tổng số tiền 71.545.000đ; gồm: Trần Bé N, Trần Thị Mai E mỗi người tham gia 02 phần đóng 6.520.000đ; Bùi Thị H, Lê Thị T, Trần Kim N, Trương Thanh T, Nguyễn Thị L, Trần Văn Q, Võ Văn T, Châu Văn T, Nguyễn Thị H, Lê Văn L, Huỳnh Văn C, Trần Văn C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Đ, Mai Thị T, Dương Thị C mỗi người đóng 3.260.000đ và Nguyễn Thị Ánh T đóng 3.085.000đ. Hụi viên nợ hụi chết với tổng số tiền 63.000.000đ; gồm: Đoàn Thị T, Lê Thị M, Nguyễn Thị L, Lê Thị T, Nguyễn Thị P, Hồ Thị K, Võ Thị L, Nguyễn Văn T, Trần Văn L và Lê Văn U mỗi người nợ 6.300.000đ. Sau khi đối trừ số tiền hụi viên nợ hụi chết, bị cáo chiếm đoạt số tiền 8.545.000đ.

* Dây số 02: Hụi có 38 phần, 36 người tham gia 37 phần, bị cáo H tham gia 01 phần; dây hụi đã mở được 17 kỳ, các hụi viên lĩnh 09 phần, bị cáo H lĩnh 08 phần (01 phần tham gia và 07 phần của hui viên). Hụi viên đóng hụi sống với tổng số tiền 89.271.000đ; gồm: Trần Thị Mai E tham gia 02 phần đóng 6.626.000đ; Nguyễn Thị P, Hồ Văn T, Đỗ Hồng T, Võ Văn T, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Đ, Võ Thanh T, Nguyễn Thị V, Phạm Thị T, Huỳnh Văn H, Nguyễn Văn L, Hồ Thị H, Nguyễn Hồng L, Lê Thị M, Tô Kim P, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị L, Trần Văn Q, Lê Văn L, Châu Văn T, Trần Văn C, Trần Thị T, Nguyễn Thị D, Nguyễn Lý S và Nguyễn Thị Ánh T mỗi người đóng 3.313.000đ. Hụi viên nợ hụi chết với tổng số tiền 44.100.000đ; gồm: Dương Thị C, Trần Kim T, Nguyễn Thị H, Lâm Thị C, Bùi Ngọc B (Bùi Kim B) Trần Văn L và Lê Văn U mỗi người nợ 6.300.000đ. Sau khi đối trừ số tiền hụi viên nợ hụi chết, bị cáo chiếm đoạt số tiền 45.171.000đ.

* Dây số 03: Hụi có 38 phần, 36 người tham gia 37 phần, bị cáo H tham gia 01 phần; hụi đã mở được 17 kỳ, các hụi viên lĩnh 08 phần, bị cáo H lĩnh 09 phần (01 phần tham gia và 08 phần của hụi viên). Hụi viên đóng hụi sống với tổng số tiền 94.220.000đ; gồm: Trần Thị Mai E tham gia 02 phần đóng 6.510.000đ; Phố Như Y, Trần Văn P, Lâm H N, Nguyễn Thị P, Trương Tuyết K, Bùi Thị L, Lê Văn L, Nguyễn Thanh K, Phan Thị T, Trần Văn C, Đỗ Ngọc Đ, Nguyễn Văn P, Lâm Thị C, Châu Văn T, Võ Văn T, Nguyễn Thị L, Trần Văn Q, Nguyễn Thị D, Trương Văn N, Phạm Thị T, Nguyễn Thị C, Phạm Thị N, Huỳnh Văn H, Phan Ái C, Nguyễn Văn L, Võ Thanh T mỗi người đóng 3.255.000đ và Nguyễn Thị Ánh T đóng 3.080.000đ. Hụi viên nợ hụi chết với tổng số tiền 44.100.000đ; gồm: Phố Như Y, Đặng Thị M, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị X, Phan Văn T, Tô Thị D và Lê Văn U mỗi người nợ 01 phần 6.300.000đ. Sau khi đối trừ số tiền hụi viên nợ hụi chết, bị cáo chiếm đoạt số tiền 50.120.000đ.

* Dây số 04: Hụi có 38 phần, 34 người tham gia 36 phần, bị cáo H tham gia 01 phần và lấy tên Linh Nguyện tham gia 01 phần; hụi đã mở được 17 kỳ, các hụi viên lĩnh 08 phần, bị cáo H đã lĩnh 09 phần (01 phần tham gia và 08 phần của hụi viên). Hụi viên đóng hụi sống với tổng số tiền 93.156.000đ; gồm: Bùi Thị H, Trần Thị Mai E mỗi người tham gia 02 phần đóng 6.654.000đ; Nguyễn Thị P, Trương Thị Q (Nguyễn Thanh L), Nguyễn Thị D, Võ Văn T, Lê Hồng T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn T, Trần Thị T, Đỗ Ngọc Đ, Tô Thị D, Trần Văn C, Hồ Thị H, Phạm Thị N, Nguyễn Phước C, Lê Hồng N, Võ Thanh T, Trần Thị H, Trần Văn C, Phan Thị T, Châu Văn T, Nguyễn Thị L, Trần Văn Q, Trương Tuyết K và Đặng Thanh C mỗi người đóng 3.327.000đ. Hụi viên nợ hụi chết với tổng số tiền 50.400.000đ; gồm: Nguyễn Văn C, Tạ Thị H, Phương Thị A, Hồ Thị H, Trần Thị H, Lâm Thị C, Thi Minh T và Trần Văn M mỗi người nợ 6.300.000đ. Sau khi đối trừ số tiền hụi viên nợ hụi chết, bị cáo chiếm đoạt số tiền 42.756.000đ.

* Dây số 05: Hụi có 38 phần, 34 người tham gia 35 phần, bị cáo H lấy tên Năm Hoa, Danh Hương tham gia 03 phần; hụi đã mở được 17 kỳ, các hụi viên lĩnh 10 phần, bị cáo H lĩnh 07 phần (02 phần tham gia và 05 phần của hụi viên). Hụi viên đóng hụi sống với tổng số tiền 83.050.000đ; gồm: Phố Như Y, Trần Thị Q (Nguyễn Thanh L), Trần Thị Mai E, Nguyễn Kim H, Đặng Thanh C, Nguyễn Thị L, Trần Văn Q, Võ Văn T, Châu Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị X, Trần Văn T, Trần Thị Đ, Đỗ Ngọc Đ, Bùi Kim B, Phan Văn N, Hồ Thị X, Nguyễn Văn T, Nguyễn Kiều M, Võ Thanh T, Nguyễn Thị D, Nguyễn Văn C, Châu Thị A, Trần Văn C và Hồng Kiều O mỗi người 01 phần đóng 3.322.000đ. Hụi viên nợ hụi chết với tổng số tiền 63.000.000đ; gồm: Trương Thị M, Phan Văn T, Trần Thu Q, Nguyễn Văn Đ, Phương Thị A, Phố Như Y, Đặng Thị C, Nguyễn Thu Đ, Lâm Thị C và Lê Hồng T mỗi người nợ 6.300.000đ. Sau khi đối trừ số tiền hụi viên nợ hụi chết, bị cáo chiếm đoạt số tiền 20.050.000đ.

* Dây số 06: Hụi có 38 phần, 33 người tham gia 35 phần, bị cáo H tham gia 01 phần và lấy tên Út Hường và Thống Đỗ tham gia 02 phần; hụi đã mở được 17 kỳ, các hụi viên lĩnh 06 phần, bị cáo H lĩnh 11 phần (02 phần tham gia và 09 phần của hụi viên). Hụi viên đóng hụi sống với tổng số tiền 94.540.000đ; gồm: Bùi Thị H tham gia 03 phần đóng 9.780.000đ; Nguyễn Thị X, Bùi Kim B, Dương Thái H, Nguyễn Thị L, Trần Văn Q, Võ Văn T, Châu Văn T, Phan Thị L, Trần Thị Mai E, Trần Thị H, Nguyễn Kiều O (Nguyễn Minh C), Trần Văn T, Trần Thị Đ, Nguyễn Cẩm V, Trương Thị N, Dương Thị U, Ngô Thị L, Nguyễn Thị M, Nguyễn Kiều M, Hồ Thị K, Võ Thanh T, Đặng Thị C, Trần Văn C, Phạm Thị N, Trần Văn D và Hồ Thị H mỗi người đóng 3.260.000đ. Hụi viên nợ hụi chết với tổng số tiền 37.800.000đ; gồm: Phan Văn T, Lê Hồng T, Trần Thu Q, Hoàng Thu H, Lê Thị B và Phương Thị A mỗi người nợ 6.300.000đ. Sau khi đối trừ số tiền hụi viên nợ hụi chết, bị cáo chiếm đoạt số tiền 56.740.000đ.

* Dây số 07: Hụi có 38 phần, 34 người tham gia 37 phần, bị cáo H lấy tên Năm Hoa tham gia 01 phần; hụi đã mở được 17 kỳ, các hụi viên lĩnh 09 phần, bị cáo H lĩnh 08 phần của hụi viên. Hụi viên đóng hụi sống với tổng số tiền 90.440.000đ; gồm: Bùi Thị H, Hồ Thị B, Lê Hồng N, Võ Văn T mỗi người 02 phần đóng 6.460.000đ; Nguyễn Văn L, Bùi Kim B, Nguyễn Kiều M, Trần Thị Đ, Lê Văn K, Trần Thị Đ, Nguyễn Cẩm V, Trương Thị N, Lê Thị U, Phạm Công B, Nguyễn Kiều O (Nguyễn Minh C), Dương Thị D, Huỳnh Thị L, Trần Quốc L, Nguyễn Thị M, Đặng Văn S, Hồ Văn T, Trần Văn Đ, Nguyễn Văn B và Nguyễn Thanh K mỗi người đóng 3.230.000đ. Hụi viên nợ hụi chết với tổng số tiền 56.700.000đ; gồm: Phương Thị A, Võ Thị L, Huỳnh Hồng T, Trần Thu Q, Trần Thị H, Lê Thị M, Lê Thị T, Nguyễn Hồng N và Trần Thị U mỗi người nợ 6.300.000đ. Sau khi đối trừ số tiền hụi viên nợ hụi chết, bị cáo chiếm đoạt số tiền 33.740.000đ.

6. Dây hụi mở lần đầu ngày 22/5/2011 (ngày 20/4/2011 âm lịch)

* Dây số 02: Hụi có 40 phần, 31 người tham gia 34 phần, bị cáo H tham gia và lấy tên Hộ Phòng, Năm Hoa, Thi tham gia 06 phần; hụi đã mở được 14 kỳ, các hụi viên lĩnh 07 phần, bị cáo H đã lĩnh 07 phần (06 phần tham gia và 01 phần của hụi viên). Hụi viên đóng hụi sống với tổng số tiền 70.875.000đ; gồm: Trần Văn D tham gia 02 phần đóng 5.250.000đ; Nguyễn Kiều O (Nguyễn Minh C), Trần Thu Q, Trần Văn C, Phan Văn T, Nguyễn Thị X, Võ Ngọc L, Dương Thị D, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị T, Tô Kim P, Lâm Phi C, Trà Cẩm N, Nguyễn Thị D, Bùi Thị C, Nguyễn Kim H, Châu Thị T, Phạm Thùy T (Phạm Thị T), Bùi Thị H, Lê Thị L, Đặng Văn P, Trần Thị T, Đặng Văn S và Nguyễn Thị P mỗi người đóng 2.625.000đ. Hụi viên nợ hụi chết với tổng số tiền 54.600.000đ; gồm: Đỗ Văn T, Phạm Văn C, Nguyễn Thị D, Nguyễn Kiều O (Nguyễn Minh C), Trần Văn T, Trần Thị N (Trần Thị Kim N) và Bùi Thị H mỗi người nợ 7.800.000đ. Sau khi đối trừ số tiền hụi viên nợ hụi chết, bị cáo chiếm đoạt số tiền 16.275.000đ.

7. Dây hụi mở lần đầu ngày 11/10/2011 (ngày 15/9/2011 âm lịch) có 03 dây, mỗi dây hụi có 40 phần, mỗi dây đã mở được 9 kỳ, cụ thể:

* Dây số 01: Hụi có 40 phần, 26 người tham gia 36 phần, bị cáo H tham gia và lấy tên Toàn Vẹn, Tiền, Hộ Phòng tham gia 04 phần; hụi đã mở được 09 kỳ, các hụi viên lĩnh 05 phần, bị cáo H lĩnh 04 phần (03 phần tham gia và 01 phần của hụi viên). Hụi viên đóng hụi sống với tổng số tiền 51.615.000đ; gồm: Trần Văn P tham gia 04 phần đóng 6.660.000đ; Võ Văn T tham gia 03 phần đóng 4.995.000đ; Đặng Tú Q, Ngô Thị L, Nguyễn Thị P, mỗi người 02 phần đóng 3.330.000đ, Châu Văn T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Kiều O (Nguyễn Minh C), Nguyễn Văn K, Phan Thị T, Trần Văn T, Trần Thị T, Phan Văn T, Thi Minh T, Hồ Thị H, Đặng Thị H (Đặng Thị M), Phố Văn Đ, Nguyễn Văn C (Nguyễn Thị H), Trần Thị H, Phan Thị L, Phan Văn N, Lê Thùy T và Lê Hồng T mỗi người đóng 1.665.000đ. Hụi viên nợ hụi chết với tổng số tiền 46.500.000đ; gồm: Nguyễn Thu Đ, Phan Thị H, Lê Thùy T và Lê Văn K và Nguyễn Thị P mỗi người nợ 9.300.000đ. Sau khi đối trừ số tiền hụi viên nợ hụi chết, bị cáo chiếm đoạt số tiền 5.115.000đ.

* Dây số 02: Hụi có 40 phần, 28 người tham gia 31 phần, bị cáo H tham gia và lấy tên Hộ Phòng, Năm Hoa tham gia 09 phần; hụi đã mở được 09 kỳ, các hụi viên lĩnh 03 phần, bị cáo H lĩnh 06 phần hụi khống tham gia. Hụi viên đóng hụi sống với tổng số tiền 43.030.000đ; gồm: Ngô Thị L, Nguyễn Thị P, Lê Thị H mỗi người tham gia 02 phần đóng 3.310.000đ; Châu Văn T, Nguyễn Thị X, Phan Thị T, Phan Văn T, Nguyễn Kiều O (Nguyễn Minh C), Huỳnh Văn C, Lê Kim N, Dương Thái H, Nguyễn Thị D, Võ Văn T, Lâm H N, Dương Thị C, Nguyễn Kim H, Trần Thị H, Phan Văn N, Lê Thùy T, Võ Văn T, Nguyễn Thị H

và Võ Kim T mỗi người đóng 1.655.000đ. Hụi viên nợ hụi chết với tổng số tiền 27.900.000đ; gồm: Nguyễn Thu Đ, Dương Thị D và Trần Thị N (Trần Thị Kim N) mỗi người nợ 9.300.000đ. Sau khi đối trừ số tiền hụi viên nợ hụi chết, bị cáo chiếm đoạt số tiền 15.130.000đ.

* Dây số 03: Hui có 40 phần, 26 người tham gia 28 phần, bị cáo H tham gia và lấy tên Hộ Phòng, Năm Hoa, Toàn Vẹn, Tiền, Thống Đỗ tham gia 12 phần; hụi đã mở được 09 kỳ, các hụi viên lĩnh 03 phần, bị cáo H lĩnh 06 phần hụi khống tham gia. Hụi viên đóng hụi sống với tổng số tiền 41.500.000đ; gồm: Nguyễn Thị P, Dương Thị L mỗi người tham gia 02 phần đóng 3.320.000đ; Dương Thị D, Trần Thị T (Phan Văn K), Tạ Thị H, Phan Văn T, Lê Thị U, Lê Thị H, Đỗ Thị A, Lâm Văn L, Huỳnh Thị T, Lê Văn C, Nguyễn Kim H, Ngô Thị L, Lý Thị C, Hoàng Thu H, Lê Thùy T, Trần Thị H, Lê Kim N, Trần Thị E, Nguyễn Thúy A, Lê Thị T và Bùi Thị L mỗi người đóng 1.660.000đ. Hụi viên nợ hụi chết với tổng số tiền 27.900.000đ; gồm: Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị T và Châu Thị T mỗi người nợ 9.300.000đ. Sau khi đối trừ số tiền hụi viên nợ hụi chết, bị cáo chiếm đoạt số tiền 13.600.000đ.

8. Dây hụi mở lần đầu ngày 06/02/2012 (ngày 15/01/2012 âm lịch)

Dây số 3: Hụi có 40 phần, 30 người tham gia 35 phần, bị cáo H tham và lấy tên Năm Hoa, Hộ Phòng, Tổng tham gia 05 phần; hụi đã mở được 05 kỳ, hụi viên lĩnh 01 phần, bị cáo H lĩnh 04 phần (03 phần tham gia và 01 phần của hui viên). Hụi viên đóng hụi sống với tổng số tiền 31.680.000đ; gồm: Nguyễn Thu Đ tham gia 03 phần đóng 2.880.000đ; Nguyễn Thị M, Võ Thanh T, Châu Văn T mỗi người 02 phần đóng 1.920.000đ; Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Ánh T, Cao Hồng N, Trần Bé N, Nguyễn Văn L, Huỳnh Văn D, Nguyễn Thị X, Phạm Thị N, Lê Thị Đ, Hồng Văn M, Phạm Thị T, Phạm Thị N, Đặng Thị H (Đặng Thị M), Lê Thị T, Nguyễn Kiều O, Phan Thị H, Bùi Kim B, Dương Thị U, Nguyễn Văn P, Trương Thị H, Trần Văn C, Bùi Thị H, Đỗ Hồng T và Bùi Thị H mỗi người đóng 960.000đ. Trong dây hụi này chỉ có Huỳnh Kim A nợ hụi chết với số tiền 10.500.000đ. Sau khi đối trừ số tiền hụi viên nợ hụi chết, bị cáo chiếm đoạt số tiền 21.180.000đ.

b). Đối với dây hụi tháng 500.000/phần mở ngày 11/11/2010 (ngày 06/10/2010 âm lịch); cụ thể:

Hụi 500.000đ, có 28 người tham gia 40 phần; hụi đã mở được 21 kỳ, hụi viên lĩnh 15 phần, bị cáo H lĩnh của hụi viên 06 phần. Hụi viên đóng hụi sống với tổng số tiền 167.950.000đ; gồm: Lê Hồng N tham gia 04 phần đóng 26.872.000đ; Đặng Văn S tham gia 03 phần đóng 20.154.000đ; Dương Thị L tham gia 02 phần đóng 13.436.000đ; Nguyễn Hồng L, Lê Hồng T, Nguyễn Hồng L, Võ Văn T, Hồng Văn M, Trần Thị U, Huỳnh Thị L, Phạm Công B,

Nguyễn Văn L, Phan Thống N, Nguyễn Thị C, Tô Thị D, Châu Văn T, Nguyễn Thị Ánh T, Nguyễn Thị H và Lê Thùy T mỗi người đóng 6.718.000đ. Hụi viên nợ hụi chết với tổng số tiền 142.500.000đ; gồm: Nguyễn Thị D, Trần Thị H, Lê Hồng N, Huỳnh Thị B mỗi người nợ 02 phần 19.000.000đ; Nguyễn Thu Đ, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị D, Đặng Thị Đ, Châu Văn T, Hồ Thị K và Châu Văn T mỗi người nợ 9.500.000đ. Sau khi đối trừ số tiền hụi viên nợ hụi chết, bị cáo chiếm đoạt số tiền 25.450.000đ.

II. Hành vi chiếm đoạt tài sản thông qua thủ đoạn bán hụi khống cho người khác, cụ thể như sau:

- Bán cho bà Nguyễn Cẩm V 02 phần trong dây hụi 300.000đ, với tổng số tiền 13.850.000đ; sau đó, bị cáo H trả tiền lãi hụi cho bà V 3.569.000đ; đối trừ tiền trả lãi hụi, bị cáo chiếm đoạt của bà V 10.281.000đ.

- Bán cho bà Nguyễn Văn P (P H) 03 phần trong dây hụi 300.000đ, với tổng số tiền 20.400.000đ; sau đó, bị cáo H trả tiền lãi hụi cho ông P 6.482.000đ; đối trừ tiền trả lãi hụi, bị cáo chiếm đoạt của bà P 13.918.000đ.

- Bán cho Dương Thị U 02 phần trong dây hụi 300.000đ, với tổng số tiền 20.550.000đ; sau đó, bị cáo H trả tiền lãi hụi cho bà Út 5.802.000đ; đối trừ tiền trả lãi hụi, bị cáo chiếm đoạt của bà U 14.748.000đ.

- Bán cho Phạm Công B 07 phần trong dây hụi 300.000đ, với tổng số tiền 44.116.000đ; sau đó, H trả tiền lãi hụi cho ông B 15.045.000đ; đối trừ tiền trả lãi hụi, bị cáo chiếm đoạt của B 29.071.000đ.

- Bán cho ông Nguyễn Văn Đ 01 phần trong dây hụi 300.000đ, với số tiền 7.000.000đ; sau đó, bị cáo H trả tiền lãi hụi cho ông Đ 3.157.000đ; đối trừ tiền trả lãi hụi, bị cáo chiếm đoạt của B 3.843.000đ.

- Bán cho bà Trương Thị H 01 phần trong dây hụi 300.000đ, với số tiền 7.800.000đ; sau đó, bị cáo H trả tiền lãi hụi cho bà H 1.445.000đ; đối trừ tiền trả lãi hụi, bị cáo chiếm đoạt của bà H 6.355.000đ.

Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt từ hành vi bán hụi khống cho những người nêu trên, bị cáo chiếm đoạt số tiền 78.216.000 đồng.

III. Ngoài ra, bị cáo H còn mở một số dây hụi, cụ thể như sau:

- Hai dây hụi 300.000đ (dây số 1 và dây 3), mở lần đầu ngày 22/5/2011 (ngày 24/4/2011 âm lịch); Hai dây hụi 300.000đ (dây số 1 và dây số 2), mở lần đầu ngày 06/12/2012 (ngày 15/01/2012 âm lịch); Dây hụi 500.000đ (dây số 1), mở lần đầu ngày 11/10/2011 (ngày 15/9/2011 âm lịch). Đối với 05 dây hụi này trên, mặc dù bị cáo có kê hụi khống, lĩnh hụi của hụi viên; tuy nhiên, trong từng dây hụi, số tiền các hụi viên còn nợ tiền lĩnh hụi nhiều hơn số tiền mà các hụi

viên đóng cho bị cáo H, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo H.

- Riêng đối với dây hụi 300.000đ, mở lần đầu ngày 30/5/2012 (ngày 14/4/2012 âm lịch); mở 02 kỳ, H lĩnh 01 phần và Phan Thị T lĩnh 01 phần còn nợ 11.400.000đ; xét thấy dây hụi này bị cáo không lập hụi khống, không lừa dối lĩnh hụi của hụi viên, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bạc Liêu không đề cập xử lý là phù hợp.

- Đối với các dây hụi này, nếu có phát sinh tranh chấp về tiền hụi sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

IV. Đối với một số người có liên quan đến vụ án:

- Đối với ông Bùi Văn S (chồng bị cáo) có đứng tên làm chủ hụi trên tất cả các danh sách hụi; ông S có tham gia mở hụi và đi gom tiền hụi, nên các hụi viên yêu cầu xử lý bị cáo Trần Thu H và Bùi Văn S theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, quá trình điều tra chứng minh được bị cáo H tự ghi tên ông S vào danh sách hụi viên, ông S không có ký tên; việc bị cáo lập các dây hụi có kê phần hụi khống; lừa dối lĩnh hụi của hụi viên; bán hụi khống cho người khác ông S không tham gia và hoàn toàn không biết việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo, không chứng minh được ông Sài có sử dụng tiền của bị cáo do phạm tội mà có; còn việc đến kỳ mở hụi và đi gom hụi khi bị cáo bệnh hoặc lúc bị cáo không có ở nhà, ông Sài thực hiện theo sự chỉ dẫn của bị cáo. Do đó, không có căn cứ buộc Bùi Văn S đồng phạm với bị cáo, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bạc Liêu không đề cập xử lý là phù hợp.

- Đối với bà Trần Cẩm Đ là chị ruột của bị cáo, bị cáo khai việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các hụi viên để lấy tiền cho bà Đ mượn tiền; bà Đ không trả tiền cho bị cáo theo thỏa thuận, dẫn đến bị cáo không có tiền chung cho các hụi viên khi hụi mãn, nên bị cáo lập các dây hụi mới kê hụi khống để lĩnh hụi trả cho hụi viên lĩnh hụi cuối. Do lâu ngày không có khả năng bù lỗ dẫn đến tuyên bố vỡ hụi. Xét thấy, việc vay tiền của bà Đ với bị cáo là giao dịch dân sự không liên quan đến vụ án; hơn nữa các dây hụi trước đó đã mãn, không có căn cứ xác tiền vay mượn của bà Đ và bị cáo xuất phát từ tiền do bị cáo phạm tội mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bạc Liêu không đề cập xử lý là phù hợp.

- Đối với các hụi viên Lâm Thị N, Ông H (không rõ họ và địa chỉ), Hà Văn B, Hà Thị T, Đặng Thị K, Phan Văn R, Phan Văn T, từ khi xác minh tin báo đến khi kết thúc điều tra vụ án chưa làm việc được đối với họ; ngoài lời khai của bị cáo H ra, không có tài liệu, chứng cứ nào khác thể hiện họ có tham gia chơi hụi của H, nên tách ra để giải quyết sau. Riêng đối với ông T đã chết, chưa làm việc được với người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T, nên chưa đủ căn

cứ xác định lời khai của bị cáo có cơ sở hay không, nên phần hụi ông T không tính vào tiền chiếm đoạt cũng như phần nợ hụi.

Tại Bản Cáo trạng số: 13/CT-VKS-P1 ngày 05/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu truy tố bị cáo Trần Thu H về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thu H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; các điểm b, q, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nghị quyết 41/2017/QH ngày 20/6/2017 của Quốc hội xử phạt bị cáo Trần Thu H mức án từ 9 đến 10 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/11/2017, được đối trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/9/2013 đến ngày 14/02/2015 và thời gian bắt buộc chữa bệnh từ ngày 14/4/2015 đến ngày 14/11/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, buộc bị cáo có trách nhiệm giao trả cho những người hại hại số tiền chiếm đoạt sau khi đã đối trừ với số tiền hụi viên đã hốt còn nợ lại hụi chết.

Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm: Về tội danh và điều luật truy tố, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo Luật sư không tranh luận với Kiểm sát viên. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, con liệt sỹ, bị cáo phạm tội cũng do một phần các hụi viên hốt hụi còn nợ lại bị cáo làm cho bị cáo mất khả năng thanh toán, theo kết luận giám định pháp y tâm thần số: 102/PYTT-PVPN ngày 13 tháng 3 năm 2015 của Phân viện phía nam, Viện pháp y tâm thần Trung ương kết luận về y học bị cáo bị bệnh rối loạn cảm xúc lưỡng cực giai đoạn trầm cảm nhẹ, về pháp luật tại thời điểm gây án trong lúc tỉnh có năng lực nhận thức và điều khiển hành vi nhưng hạn chế do bệnh, có nhiều bị hại cũng xin cho bị cáo mức án thấp nhất, nên kính mong Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất để bị cáo về với gia đình làm ăn kiếm tiền trả nợ khắc phục hậu quả cho các bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đối với hành vi, quyết định của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo

quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo cũng như những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, Quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, có căn cứ để xác định các hành vi, Quyết định của Điều tra viên và Kiểm sát viên đươc thực hiện đúng theo quy định pháp luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố đúng với hành vi bị cáo đã thực hiện, vì muốn có tiền chi xài cho nhu cầu cá nhân, nên bị cáo lợi dụng lòng tin của các hụi viên, dùng những thủ đoạn gian dối, đưa ra các thông tin không đúng sự thật để các hụi viên tham gia chơi hụi tin là thật và giao tiền đóng hụi cho bị cáo, sau đó bị cáo hốt hụi của các tên hụi viên khống, hốt hụi của những người tham gia chơi thật nhưng không chung hụi để chiếm đoạt tiền của các hụi viên, trong khoảng thời gian từ năm 2010 đến năm 2012 bị cáo chiếm đoạt của các hụi viên và những người mua hụi với tổng số tiền 991.448.000 đồng, trong đó số tiền hụi viên tham gia chơi trong 25 dây hụi là 913.232.000đ, số tiền bị cáo bán hụi khống cho 06 người là 78.216.000đ. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của những người chơi hụi và những người mua hụi trong các dây hụi do bị cáo làm chủ hụi, sau đó bị cáo tuyên bố vỡ hụi nhưng không hoàn trả lại toàn bộ số tiền của các hụi viên đóng hụi, mua hụi. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện trước 00 giờ ngày 01/01/2018, theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14 hướng dẫn nguyên tắc áp dụng Điều luật có lợi cho bị cáo, nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu truy tố hành vi phạm tội của bị cáo theo Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là phù hợp pháp luật.

[3] Với tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại 991.448.000 đồng, nên hành vi của bị cáo được định khung tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu truy tố bị cáo Trần Thu H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[4] Cụ thể số tiền bị cáo chiếm đoạt của các hụi viên sau khi đã trừ số tiền của các hụi viên hốt hụi còn nợ lại tiền hụi chết thì bị cáo chiếm đoạt số tiền của các bị hại như sau: Chiếm đoạt của Trần Thị Đ số tiền 4.484.000đ, Bùi Thị H số tiền 130.445.000đ, Nguyễn Văn B số tiền 40.426.000đ, Nguyễn Thị Ánh T số tiền 59.316.000đ, Trần Thị E số tiền 15.595.000đ, Trần Thị Mai E số tiền 107.499.000đ, Võ Ngọc L số tiền 6.656.000đ, Bùi Thị C số tiền 7.168.000đ, Bùi Thị L số tiền 4.915.000đ, Dương Thị L số tiền 29.340.000đ, Hồng Văn C số tiền 4.964.000đ, Hồng Văn M số tiền 19.687.000đ, Lâm Phi C số tiền 2.625.000đ, Lê Hồng T số tiền 1.074.000đ, Lê Kim N số tiền 3.315.000đ, Lê Thị T số tiền 2.620.000đ, Nguyễn Hồng L số tiền 8.531.000đ, Nguyễn Thị K số tiền 6.400.000đ, Nguyễn Thị L số tiền 848.000đ, Nguyễn Thúy A số tiền 9.539.000đ, Trà Cẩm N số tiền 2.625.000đ, Trương Thị Q (vợ 4 L) số tiền 6.649.000đ, Võ Văn T số tiền 8.373.000đ, Trần Bích T số tiền 11.901.000đ, Nguyễn Thị M số tiền 1.920.000đ, Khấu Thị A (Khấu Ngọc A) số tiền 1.246.000đ, Nguyễn Văn Đ số tiền 273.000đ, Võ Văn T số tiền 35.782.000đ, Dương Thái H số tiền 4.915.000đ, Nguyễn Hồng L số tiền 12.172.000đ, Nguyễn Văn L số tiền 960.000đ, Phạm Công B số tiền 46.891.000đ, Trần Bé N số tiền 7.480.000đ, Trương Thanh T số tiền 3.260.000đ, Trương Tuyết K số tiền 16.510.000đ, Võ Thanh T số tiền 18.397.000đ, Nguyễn Thị N số tiền 960.000đ, Bùi Thị T số tiền 960.000đ, Cao Hồng N số tiền 960.000đ, Châu Thị A số tiền 3.322.000đ, Châu Văn T số tiền 16.877.000đ, Đặng Thanh C số tiền 6.649.000đ, Đặng Tú Q số tiền 3.330.000đ, Đặng Văn S số tiền 41.612.000đ, Đỗ Hồng T số tiền 4.019.000đ, Đỗ Ngọc Đ số tiền 8.052.000đ, Đỗ Thị A số tiền 160.000đ, Dương Thị C số tiền 3.158.000đ, Dương Thị L số tiền 18.212.000đ, Dương Thị U số tiền 22.992.000đ, Hồ Thị B số tiền 6.460.000đ, Hồ Thị H số tiền 11.200.000đ, Hồ Thị K số tiền 3.260.000đ, Hồ Thị X số tiền 14.809.000đ, Hồ Văn T số tiền 3.843.000đ, Hồng Kiều O số tiền 7.353.000đ, Huỳnh Thị L số tiền 20.923.000đ, Huỳnh Thị T số tiền 1.660.000đ, Huỳnh Văn C số tiền 17.008.000đ, Huỳnh Văn D số tiền 960.000đ, Huỳnh Văn H số tiền 26.524.000đ, Huỳnh Văn L số tiền 9.552.000đ, Lâm H N số tiền 4.910.000đ, Lâm Thị C số tiền 240.000đ, Lâm Văn Đ số tiền 4.964.000đ, Lâm Văn L số tiền 14.892.000đ, Lê Hồng N số tiền 16.159.000đ, Lê Thị Đ số tiền 10.339.000đ, Lê Thị H số tiền 16.697.000đ, Lê Thị L số tiền 6.656.000đ, Lê Thị U số tiền 11.290.000đ, Lê Văn C (Lê Văn C, U Nhỏ) số tiền 1.660.000đ, Lê Văn Đ số tiền 5.454.000đ, Lê Văn L số tiền 2.928.000đ, Lý Thị C số tiền 5.606.000đ, Mai Thị T số tiền 560.000đ, Ngô Thị L số tiền 36.770.000đ, Nguyễn Cẩm V số tiền 28.674.000đ, Nguyễn Kiều D số tiền 7.978.000đ, Nguyễn Kiều M số tiền 9.812.000đ, Nguyễn Kiều O (4 C) số tiền 5.531.000đ, Nguyễn Kim H số tiền 6.562.000đ, Nguyễn Lý S số tiền 5.759.000đ, Nguyễn Minh C (4 C) số tiền 9.810.000đ, Nguyễn Minh Đ số tiền 2.625.000đ, Nguyễn Ngọc A số tiền 5.531.000đ, Nguyễn Phước C số tiền 7.081.000đ, Nguyễn Thanh K (Mỹ K) số

tiền 6.485.000đ, Nguyễn Thị C số tiền 3.255.000đ, Nguyễn Thị C số tiền 10.742.000đ, Nguyễn Thị D số tiền 1.709.000đ, Nguyễn Thị D số tiền 12.099.000đ, Nguyễn Thị H số tiền 3.954.000đ, Nguyễn Thị H số tiền 18.352.000đ, Nguyễn Thị H (Út C LX) số tiền 10.166.000đ, Nguyễn Thị H số tiền 7.281.000đ, Nguyễn Thị L số tiền 48.221.000đ, Nguyễn Thị M số tiền 8.079.000đ, Nguyễn Thị M số tiền 16.593.000đ, Nguyễn Thị M số tiền 13.069.000đ, Nguyễn Thị M số tiền 4.024.000đ, Nguyễn Thị N số tiền 4.964.000đ, Nguyễn Thị P số tiền 660.000đ, Nguyễn Thị V số tiền 861.000đ, Nguyễn Thị X số tiền 4.031.000đ, Nguyễn Thị X số tiền 12.764.000đ, Nguyễn Văn Đ số tiền 20.413.000đ, Nguyễn Văn H số tiền 3.322.000đ, Nguyễn Văn L số tiền 13.261.000đ, Nguyễn Văn L số tiền 9.221.000đ, Nguyễn Văn P số tiền 33.990.000đ, Nguyễn Văn T số tiền 3.014.000đ, Nguyễn Văn T số tiền 6.649.000đ, Nguyễn Văn X số tiền 4.024.000đ, Phạm Thị N số tiền 8.251.000đ, Phạm Thị N số tiền 11.496.000đ, Phạm Thị T số tiền 7.528.000đ, Phan Ái C số tiền 3.255.000đ, Phan Thị L số tiền 725.000đ, Phan Thị T số tiền 15.423.000đ, Phan Thống N số tiền 8.453.000đ, Phan Văn N số tiền 18.482.000đ, Phố Minh Đ số tiền 5.689.000đ, Phố Văn T số tiền 11.978.000đ, Tạ Thị H số tiền 1.326.000đ, Tăng Thị S số tiền 3.946.000đ, Tô Kim P số tiền 24.802.000đ, Trần Kim N số tiền 3.260.000đ, Trần Quốc L số tiền 3.230.000đ, Trần Thị Đ số tiền 12.097.000đ, Trần Thị H số tiền 3.327.000đ, Trần Thị T số tiền 3.946.000đ, Trần Thị T số tiền 1.825.000đ, Trần Thị T (M) số tiền 1.738.000đ, Trần Thị T số tiền 327.000đ, Trần Thị U số tiền 2.766.000đ, Trần Văn C (Út C) số tiền 52.687.000đ, Trần Văn C số tiền 16.804.000đ, Trần Văn Đ số tiền 3.230.000đ, Trần Văn D số tiền 8.510.000đ, Trần Văn P số tiền 17.709.000đ, Trần Văn Q số tiền 19.737.000đ, Trương Thị H số tiền 4.615.000đ, Trương Thị N số tiền 6.490.000đ, Trương Văn N số tiền 13.750.000đ, Trần Bé H (Trần Thị H) số tiền 7.804.000đ, Lâm Văn L số tiền 1.660.000đ, Nguyễn Văn T số tiền 1.843.000đ, Võ Kim T số tiền 1.655.000đ, Nguyễn Thị P (vợ T) số tiền 6.220.000đ.

[5] Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực nhận thức, năng lực hành vi và năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nên bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm cho hành vi do mình gây ra, chỉ vì muốn có tiền chi xài cho nhu cầu cá nhân mà bị cáo xem thường pháp luật, bất chấp dùng những thủ đoạn gian dối trong thời gian dài để chiếm đoạt tài sản của rất nhiều người xung quanh gây bất bình trong xã hội, làm mất niềm tin trong các giao dịch dân sự, ảnh hưởng đến an ninh trị an ở địa phương, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến tài sản của các hụi viên một cách trái pháp luật, nên hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, cần phải xử lý nghiêm và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài, có như thế mới đủ để cải tạo, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật cho bị cáo và cũng để răn đe, phòng ngừa chung.

[6] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã lợi dụng lòng tin của bà con thân thích và của những người xung quanh để từng bước thực hiện hành vi phạm tội với mức độ ngày một nguy hiểm hơn, nhiều lần bị cáo chiếm đoạt có số tiền trên mức phải xử lý hình sự, nên bị cáo phải chịu thêm tình tiết tăng nặng "phạm tội nhiều lần" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Đối chiếu với quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là điểm g khoản 1 Điều 52.

[7] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo. Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường khắc phục được một phần hậu quả, bị cáo có cha là liệt sĩ, có me được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất và chồng được tặng thưởng huân chương chiến công hạng ba, theo kết luận giám định pháp y tâm thần bị cáo bị bệnh rối loạn cảm xúc lưỡng cực giai đoạn trầm cảm nhẹ, về pháp luật tại thời điểm gây án trong lúc tỉnh có năng lực nhận thức và điều khiển hành vi nhưng hạn chế do bệnh, có nhiều người bị hại xin cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, n, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14 hướng dẫn nguyên tắc áp dụng Điều luật có lợi cho bị cáo, nên Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, q, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, do bị cáo có bốn tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 giảm nhẹ dưới mức thấp nhất của hình phạt cho bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điều 463, 466, 471, 589 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường buộc bị cáo có trách nhiệm giao trả số tiền bị cáo đã chiếm đoạt cho các bị hại được nêu ở mục 3 trong phần nhận định của Bản án. Đối với các bị hại có yêu cầu tính lãi tiền hụi bị chiếm đoạt từ thời điểm bị cáo tuyên bố vỡ hụi ngày 19/5/2012 (âl) nhằm ngày 07/7/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/10/2018 là 75 tháng 23 ngày theo lãi suất do pháp luật quy định, xét thấy yêu cầu tính lãi của các bị hại phù hợp pháp luật nên được chấp nhận, căn cứ Quyết định số: 2868/2010/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam, mức lãi cơ bản là 09%/ năm (0,75%/tháng), tiền lãi cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị Ánh T số tiền vốn hụi 59.316.000đ x 0,75%/tháng x 75 tháng 23 ngày = 33.467.570đ.

- Bà Nguyễn Thị L số tiền vốn hụi 48.221.000đ x 0,75%/tháng x 75 tháng 23 ngày = 27.207.494đ.

- Bà Phạm Thị N số tiền vốn hụi 8.251.000đ x 0,75%/tháng x 75 tháng 23 ngày = 4.655.420đ.

Đối với các bị hại không yêu cầu tính lãi, xét thấy các bị hại không yêu cầu bị cáo trả lãi của số tiền bị chiếm đoạt là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên được ghi nhận, không buộc bị cáo có trách nhiệm trả lãi của số tiền chiếm đoạt.

[9] Đối với số tiền 18.000.000 đồng do gia đình bị cáo nộp khắc phục trong quá trình điều tra, theo biên lai thu số 005870 ngày 20/7/2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh bạc Liêu, được đối trừ cho các bị hại trong giai đoạn thi hành án, theo tỷ lệ phần trăm số tiền bị cáo nợ các bị hại.

[10] Đối với các dây hụi 300.000đ (dây số 1 và dây 3), mở lần đầu ngày 22/5/2011 (ngày 24/4/2011 âm lịch); dây hụi 300.000đ (dây số 1 và dây số 2), mở lần đầu ngày 06/12/2012 (ngày 15/01/2012 âm lịch); dây hụi 500.000đ (dây số 1), mở lần đầu ngày 11/10/2011 (ngày 15/9/2011 âm lịch); dây hụi 300.000đ mở lần đầu ngày 30/5/2012 (ngày 14/4/2012 âm lịch). Bị cáo có hành vi kê hụi khống, lừa dối hốt hụi của hụi viên, nhưng số tiền các hụi viên nợ hụi chết trong từng dây hụi nhiều hơn số tiền các hụi viên có hụi sống đóng tiền cho bị cáo, nên Viện kiểm sát không truy tố là phù hợp, nếu có phát sinh tranh chấp thì giải quyết ở vụ án khác theo thủ tục Tố tụng dân sự theo quy định pháp luật.

[11] Đối với các hụi viên sau khi hốt hụi còn nợ lại bị cáo tiền hụi chết trong các dây hụi tháng, hụi mùa và hụi ngày, xét thấy trong quá trình điều tra bị cáo không có đơn khởi kiện yêu cầu các hụi viên nợ tiền hụi chết giao trả tiền nợ hụi chết cho bị cáo, nên Hội đồng xét xử không xem xét, bị cáo có quyền khởi kiện các hụi viên còn nợ tiền hụi chết của bị cáo để giải quyết bằng vụ án khác theo thủ tục Tố tụng dân sự theo quy định pháp luật.

[12] Đối với hành vi của ông Bùi Văn S là chồng của bị cáo, việc bị cáo và chồng đứng tên làm chủ hụi trên tất cả các danh sách hụi. Quá trình điều tra cho thấy, bị cáo tự ghi tên ông S vào danh sách hụi viên, ông S không có ký tên, bị cáo lập dây hụi có kê phần hụi khống, lừa dối lĩnh hụi của hụi viên, bán hụi khống cho người khác ông S không tham gia, hoàn toàn không biết việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo và ông Sài không có sử dụng tiền của bị cáo do phạm tội mà có, còn việc đến kỳ mở hụi và đi gom hụi khi bị cáo bị bệnh hoặc lúc bị cáo không có ở nhà, ông Sài thực hiện theo sự chỉ dẫn của bị cáo. Do đó, không có căn cứ buộc ông Bùi Văn S đồng phạm và cùng liên đới trả tiền cho các bị hại với bị cáo.

[13] Đối với bà Trần Cẩm Đ là chị ruột của bị cáo, việc bị cáo khai nhận chiếm đoạt tiền của các hụi viên để cho bà Đ mượn, do bà Đáo không trả tiền cho bị cáo theo thỏa thuận dẫn đế bị cáo không có tiền chung có các hụi viên. Xét thấy, việc giao dịch giữa bị cáo và bà Đáo là giao dịch dân sự không liên quan đến vụ án, hơn nữa không có căn cứ xác định tiền vay mượn của bà Đáo và bị cáo xuất phát từ tiền do bị cáo phạm tội mà có, nên không đề cập xử lý trong vụ án này là phù hợp.

[14] Đối với các hụi viên Lâm Thị N, Hà Văn B, Hà Thị T, Đặng Thị K, Phan Văn R, Phan Văn T và ông H (không rõ họ và địa chỉ), từ khi xác minh tin báo đến khi kết thúc điều tra vụ án chưa làm việc được đối với họ; ngoài lời khai của bị cáo ra, không có tài liệu, chứng cứ nào khác thể hiện họ có tham gia chơi hụi của bị cáo, nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tách ra để giải quyết sau là phù hợp.

[15] Xét đề nghị của Kiểm sát viên giữ quyền công tố và Luật sư bào chữa cho bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của kiểm sát viên và Luật sư là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[16] Về án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm: Bị cáo có cha là liệt sĩ, mẹ, chồng cũng là người có công với cách mạng và bị cáo có đơn xin miễn, giảm án phí được xác nhận của Giám thị Trại tạm giam Công an tỉnh Bạc Liêu ngày 07 tháng 10 năm 2018. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thu H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; các điểm b, q, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Thu H 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 14/4/2015, được đối trừ thời gian tạm giam từ ngày 26/9/2013 đến ngày 14/02/2015.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các Điều 463, 466, 471, 589 Bộ luật

Dân sự 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường. Buộc bị cáo Trần Thu H có trách nhiệm giao trả số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại sau:

2.1. Trả cho bà Trần Thị Đ số tiền vốn hụi 4.484.000đ (bốn triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

2.2. Trả cho bà Bùi Thị H số tiền vốn hụi 130.445.000đ (một trăm ba mươi triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

2.3. Trả cho ông Nguyễn Văn B số tiền vốn hụi 40.426.000đ (bốn mươi triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

2.4. Trả cho bà Nguyễn Thị Ánh T số tiền vốn hụi 59.316.000đ và khoản tiền lãi 33.467.570đ. Tổng số tiền vốn và lãi là 92.783.570đ (chín mươi hai triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn năm trăm bảy mươi đồng).

2.5. Trả cho bà Trần Thị E số tiền vốn hụi 15.595.000đ (mười lăm triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

2.6. Trả cho bà Trần Thị Mai E số tiền vốn hụi 107.499.000đ (một trăm lẻ bảy triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn đồng).

2.7. Trả cho bà Võ Ngọc L số tiền vốn hụi 6.656.000đ (sáu triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

2.8. Trả cho bà Bùi Thị C số tiền vốn hụi 7.168.000đ (bảy triệu một trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

2.9. Trả cho bà Bùi Thị L số tiền vốn hụi 4.915.000đ (bốn triệu chín trăm mười lăm nghìn đồng).

2.10. Trả cho bà Dương Thị L số tiền vốn hụi 29.340.000đ (hai mươi chín triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng).

2.11. Trả cho ông Hồng Văn C số tiền vốn hụi 4.964.000đ (bốn triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

2.12. Trả cho ông Hồng Văn M số tiền vốn hụi 19.687.000đ (mười chín triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

2.13. Trả cho ông Lâm Phi C số tiền vốn hụi 2.625.000đ (hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

2.14.Trả cho bà Lê Hồng T số tiền vốn hụi 1.074.000đ (một triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

2.15. Trả cho bà Lê Kim N số tiền vốn hụi 3.315.000đ (ba triệu ba trăm mười lăm nghìn đồng).

2.16. Trả cho bà Lê Thị T số tiền vốn hụi 2.620.000đ (hai triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

2.17. Trả cho bà Nguyễn Hồng L số tiền vốn hụi 8.531.000đ (tám triệu năm trăm ba mươi mốt nghìn đồng).

2.18. Trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền vốn 6.400.000đ (sáu triệu bốn trăm nghìn đồng).

2.19. Trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền vốn hụi 848.000đ (tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

2.20. Trả cho bà Nguyễn Thúy A số tiền vốn hụi 9.539.000đ (chín triệu năm trăm ba mươi chín nghìn đồng).

2.21. Trả cho bà Trà Cẩm N số tiền vốn hụi 2.625.000đ (hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

2.22. Trả cho bà Trương Thị Q (vợ 4 L) số tiền vốn hụi 6.649.000đ (sáu triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

2.23. Trả cho ông Võ Văn T số tiền vốn hụi 8.373.000đ (tám triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

2.24. Trả cho bà Trần Bích T số tiền vốn hụi 11.901.000đ (mười một triệu chín trăm lẻ một nghìn đồng).

2.25. Trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền vốn hụi 1.920.000đ (một triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

2.26. Trả cho bà Khấu Thị A (Khấu Ngọc A) số tiền vốn hụi 1.246.000đ (một triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

2.27. Trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền vốn hụi 273.000đ (hai trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

2.28. Trả cho ông Võ Văn T số tiền vốn hụi 35.782.000đ (ba mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng).

2.29. Trả cho ông Dương Thái H số tiền vốn hụi 4.915.000đ (bốn triệu chín trăm mười lăm nghìn đồng).

2.30. Trả cho bà Nguyễn Hồng L số tiền vốn hụi 12.172.000đ (mười hai triệu một trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

2.31. Trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền vốn hụi 960.000đ (chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

2.32. Trả cho ông Phạm Công B số tiền vốn hụi 46.891.000đ (bốn mươi sáu triệu tám trăm chín mươi mốt nghìn đồng).

2.33. Trả cho bà Trần Bé N số tiền vốn hụi 7.480.000đ (bảy triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

2.34. Trả cho bà Trương Thanh T số tiền vốn hụi 3.260.000đ (ba triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

2.35. Trả cho bà Trương Tuyết K số tiền vốn hụi 16.510.000đ (mười sáu triệu năm trăm mười nghìn đồng).

2.36. Trả cho bà Võ Thanh T số tiền vốn hụi 18.397.000đ (mười tám triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

2.37. Trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền vốn hụi 960.000đ (chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

2.38. Trả cho bà Bùi Thị T số tiền vốn hụi 960.000đ (chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

2.39. Trả cho bà Cao Hồng N số tiền vốn hụi 960.000đ (chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

2.40. Trả cho bà Châu Thị A số tiền vốn hụi 3.322.000đ (ba triệu ba trăm hai mươi hai nghìn đồng).

2.41. Trả cho ông Châu Văn T số tiền vốn hụi 16.877.000đ (mười sáu triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

2.42. Trả cho ông Đặng Thanh C số tiền vốn hụi 6.649.000đ (sáu triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

2.43. Trả cho bà Đặng Tú Q số tiền vốn hụi 3.330.000đ (ba triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng).

2.44. Trả cho ông Đặng Văn S số tiền vốn hụi 41.612.000đ (bốn mươi mốt triệu sáu trăm mười hai nghìn đồng).

2.45. Trả cho bà Đỗ Hồng T số tiền vốn hụi 4.019.000đ (bốn triệu không trăm mười chín nghìn đồng).

2.46. Trả cho bà Đỗ Ngọc Đ số tiền vốn hụi 8.052.000đ (tám triệu không trăm năm mươi hai nghìn đồng).

2.47. Trả cho bà Đỗ Thị A số tiền vốn hụi 160.000đ (một trăm sáu mươi nghìn đồng).

2.48. Trả cho bà Dương Thị C số tiền vốn hụi 3.158.000đ (ba triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng).

2.49. Trả cho bà Dương Thị L số tiền vốn hụi 18.212.000đ (mười tám triệu hai trăm mười hai nghìn đồng).

2.50. Trả cho bà Dương Thị U số tiền vốn hụi 22.992.000đ (hai mươi hai triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng).

2.51. Trả cho bà Hồ Thị B số tiền vốn hụi 6.460.000đ (sáu triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

2.52. Trả cho bà Hồ Thị H số tiền vốn hụi 11.200.000đ (mười một triệu hai trăm nghìn đồng).

2.53. Trả cho bà Hồ Thị K số tiền vốn hụi 3.260.000đ (ba triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

2.54. Trả cho bà Hồ Thị X số tiền vốn hụi 14.809.000đ (mười bốn trệu tám trăm lẻ chín nghìn đồng).

2.55. Trả cho ông Hồ Văn T số tiền vốn hụi 3.843.000đ (ba triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

2.56. Trả cho bà Hồng Kiều O số tiền vốn hụi 7.353.000đ (bảy triệu ba trăm năm mươi ba nghìn đồng).

2.57. Trả cho bà Huỳnh Thị L số tiền vốn hụi 20.923.000đ (hai mươi triệu chín trăm hai mươi ba nghìn đồng).

2.58. Trả cho bà Huỳnh Thị T số tiền vốn hụi 1.660.000đ (một triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).

2.59. Trả cho ông Huỳnh Văn C số tiền vốn hụi 17.008.000đ (mười bảy triệu không lẻ tám nghìn đồng).

2.60. Trả cho ông Huỳnh Văn D số tiền vốn hụi 960.000đ (chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

2.61. Trả cho ông Huỳnh Văn H số tiền vốn hụi 26.524.000đ (hai mươi sáu triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

2.62. Trả cho ông Huỳnh Văn L số tiền vốn hụi 9.552.000đ (chín triệu năm trăm năm mươi hai nghìn đồng).

2.63. Trả cho bà Lâm H N số tiền vốn hụi 4.910.000đ (bốn triệu chín trăm mười nghìn đồng).

2.64. Trả cho bà Lâm Thị C số tiền vốn hụi 240.000đ (hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

2.65. Trả cho ông Lâm Văn Đ số tiền vốn hụi 4.964.000đ (bốn triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

2.66. Trả cho ông Lâm Văn L số tiền vốn hụi 14.892.000đ (mười bốn triệu tám trăm chín mươi hai nghìn đồng).

2.67. Trả cho bà Lê Hồng N số tiền vốn hụi 16.159.000đ (mười sáu triệu một trăm năm mươi chín nghìn đồng).

2.68. Trả cho bà Lê Thị Đ số tiền vốn hụi 10.339.000đ (mười triệu ba trăm ba mươi chín nghìn đồng).

2.69. Trả cho bà Lê Thị H số tiền vốn hụi 16.697.000đ (mười sáu triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

2.70. Trả cho bà Lê Thị L số tiền vốn hụi 6.656.000đ (sáu triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

2.71. Trả cho bà Lê Thị U số tiền vốn hụi 11.290.000đ (mười một triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng).

2.72. Trả cho ông Lê Văn C (Út N) số tiền vốn hụi 1.660.000đ (một triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).

2.73. Trả cho ông Lê Văn Đ số tiền vốn hụi 5.454.000đ (năm triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

2.74. Trả cho ông Lê Văn L số tiền vốn hụi 2.928.000đ (hai triệu chín trăm hai mươi tám nghìn đồng).

2.75. Trả cho bà Lý Thị C số tiền vốn hụi 5.606.000đ (năm triệu sáu trăm lẻ sáu nghìn đồng).

2.76. Trả cho bà Mai Thị T số tiền vốn hụi 560.000đ (năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

2.77. Trả cho bà Ngô Thị L số tiền vốn hụi 36.770.000đ (ba mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

2.78. Trả cho bà Nguyễn Cẩm V số tiền vốn hụi 28.674.000đ (hai mươi tám triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

2.79. Trả cho bà Nguyễn Kiều D số tiền vốn hụi 7.978.000đ (bảy triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

2.80. Trả cho bà Nguyễn Kiều M số tiền vốn hụi 9.812.000đ (chín triệu tám trăm mười hai nghìn đồng).

2.81. Trả cho bà Nguyễn Kiều O (4 C) số tiền vốn hụi 5.531.000đ (năm triệu năm trăm ba mươi mốt nghìn đồng).

2.82. Trả cho bà Nguyễn Kim H số tiền vốn hụi 6.562.000đ (sáu triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

2.83. Trả cho ông Nguyễn Lý S số tiền vốn hụi 5.759.000đ (năm triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn đồng).

2.84. Trả cho ông Nguyễn Minh C (4 C) số tiền vốn hụi 9.810.000đ (chín triệu tám trăm mười nghìn đồng).

2.85. Trả cho ông Nguyễn Minh Đ số tiền vốn hụi 2.625.000đ (hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

2.86. Trả cho bà Nguyễn Ngọc A số tiền vốn hụi 5.531.000đ (năm triệu năm trăm ba mươi mốt nghìn đồng).

2.87. Trả cho bà Nguyễn Phước C số tiền vốn hụi 7.081.000đ (bảy triệu không trăm tám mươi mốt nghìn đồng).

2.88. Trả cho bà Nguyễn Thanh K (Mỹ K) số tiền vốn hụi 6.485.000đ (sáu triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

2.89. Trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền vốn hụi 3.255.000đ (ba triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

2.90. Trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền vốn hụi 10.742.000đ (mười triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

2.91. Trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền vốn hụi 1.709.000đ (một triệu bảy trăm lẻ chín nghìn đồng).

2.92. Trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền vốn hụi 12.099.000đ (mười hai triệu không trăm chín mươi chín nghìn đồng).

2.93. Trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền vốn hụi 3.954.000đ (ba triệu chín trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

2.94. Trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền vốn hụi 18.352.000đ (mười tám triệu ba trăm năm mươi hai nghìn đồng).

2.95. Trả cho bà Nguyễn Thị H (Út C LX) số tiền vốn hụi 10.166.000đ (mười triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

2.96. Trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền vốn hụi 7.281.000đ (bảy triệu hai trăm tám mươi mốt nghìn đồng).

2.97. Trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền vốn hụi 48.221.000đ và số tiền lãi 27.207.494đ. Tổng số tiền vốn và lãi là 75.428.494đ (bảy mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi bốn đồng).

2.98. Trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền vốn hụi 8.079.000đ (tám triệu không trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

2.99. Trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền vốn hụi 16.593.000đ (mười sáu triệu năm trăm chín mươi ba nghìn đồng).

2.100. Trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền vốn hụi 13.069.000đ (mười ba triệu không trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

2.101. Trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền vốn hụi 4.024.000đ (bốn triệu không trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

2.102. Trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền vốn hụi 4.964.000đ (bốn triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

2.103. Trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền vốn hụi 660.000đ (sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).

2.104. Trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền vốn hụi 861.000đ (tám trăm sáu mươi mốt nghìn đồng).

2.105. Trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền vốn hụi 4.031.000đ (bốn triệu không trăm ba mươi mốt nghìn đồng).

2.106. Trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền vốn hụi 12.764.000đ (mười hai triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

2.107. Trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền vốn hụi 20.413.000đ (hai mươi triệu bốn trăm mười ba nghìn đồng).

2.108. Trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền vốn hụi 3.322.000đ (ba triệu ba trăm hai mươi hai nghìn đồng).

2.109. Trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền vốn hụi 13.261.000đ (mười ba triệu hai trăm sáu mươi mốt nghìn đồng).

2.110. Trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền vốn hụi 9.221.000đ (chín triệu hai trăm hai mươi mốt nghìn đồng).

2.111. Trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền vốn hụi 33.990.000đ (ba mươi ba triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng).

2.112. Trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền vốn hụi 3.014.000đ (ba triệu không trăm mười bốn nghìn đồng).

2.113. Trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền vốn hụi 6.649.000đ (sáu triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

2.114. Trả cho ông Nguyễn Văn X số tiền vốn hụi 4.024.000đ (bốn triệu không trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

2.115. Trả cho bà Phạm Thị N số tiền vốn hụi 8.251.000đ và tiền lãi 4.655.420đ. Tổng số tiền vốn và lãi là 12.906.420đ (mười hai triệu chín trăm lẻ sáu nghìn bốn trăm hai mươi đồng).

2.116. Trả cho bà Phạm Thị N số tiền vốn hụi 11.496.000đ (mười một triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

2.117. Trả cho bà Phạm Thị T số tiền vốn hụi 7.528.000đ (bảy triệu năm trăm hai mươi tám nghìn đồng).

2.118. Trả cho bà Phan Ái C số tiền vốn hụi 3.255.000đ (ba triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

2.119. Trả cho bà Phan Thị L số tiền vốn hụi 725.000đ (bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

2.120. Trả cho bà Phan Thị T số tiền vốn hụi 15.423.000đ (mười lăm triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn đồng).

2.121. Trả cho ông Phan Thống N số tiền vốn hụi 8.453.000đ (tám triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn đồng).

2.122. Trả cho ông Phan Văn N số tiền vốn hụi 18.482.000đ (mười tám triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn đồng).

2.123. Trả cho ông Phố Minh Đ số tiền vốn hụi 5.689.000đ (năm triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn đồng).

2.124. Trả cho ông Phố Văn T số tiền vốn hụi 11.978.000đ (mười một triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

2.125. Trả cho bà Tạ Thị H số tiền vốn hụi 1.326.000đ (một triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

2.126. Trả cho bà Tăng Thị S số tiền vốn hụi 3.946.000đ (ba triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

2.127. Trả cho bà Tô Kim P số tiền vốn hụi 24.802.000đ (hai mươi bốn triệu tám trăm lẻ hai nghìn đồng).

2.128. Trả cho bà Trần Kim N số tiền vốn hụi 3.260.000đ (ba triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

2.129. Trả cho ông Trần Quốc L số tiền vốn hụi 3.230.000đ (ba triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng).

2.130. Trả cho bà Trần Thị Đ số tiền vốn hụi 12.097.000đ (mười hai triệu không trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

2.131. Trả cho bà Trần Thị H số tiền vốn hụi 3.327.000đ (ba triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

2.132. Trả cho bà Trần Thị T số tiền vốn hụi 3.946.000đ (ba triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

2.133. Trả cho bà Trần Thị T số tiền vốn hụi 1.825.000đ (một triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

2.134. Trả cho bà Trần Thị T (M) số tiền vốn hụi 1.738.000đ (một triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn đồng).

2.135. Trả cho bà Trần Thị T số tiền vốn hụi 327.000đ (ba trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

2.136. Trả cho bà Trần Thị U số tiền vốn hụi 2.766.000đ (hai triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

2.137. Trả cho ông Trần Văn C (Út C) số tiền vốn hụi 52.687.000đ (năm mươi hai triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

2.138. Trả cho ông Trần Văn C số tiền vốn hụi 16.804.000đ (mười sáu triệu tám trăm lẻ bốn nghìn đồng).

2.139. Trả cho ông Trần Văn Đ số tiền vốn hụi 3.230.000đ (ba triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng).

2.140. Trả cho ông Trần Văn D số tiền vốn hụi 8.510.000đ (tám triệu năm trăm mười nghìn đồng).

2.141. Trả cho Trả cho ông Trần Văn P số tiền vốn hụi 17.709.000đ (mười bảy triệu bảy trăm lẻ chín nghìn đồng)

2.142. Trả cho ông Trần Văn Q số tiền vốn hụi 19.737.000đ (mười chín triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

2.143. Trả cho bà Trương Thị H số tiền vốn hụi 4.615.000đ (bốn triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng).

2.144. Trả cho bà Trương Thị N số tiền vốn hụi 6.490.000đ (sáu triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng).

2.145. Trả cho ông Trương Văn N số tiền vốn hụi 13.750.000đ (mười ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

2.146. Trả cho bà Trần Bé H (Trần Thị H) số tiền vốn hụi 7.804.000đ (bảy triệu tám trăm lẻ bốn nghìn đồng).

2.147. Trả cho ông Lâm Văn L số tiền vốn hụi 1.660.000đ (một triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).

2.148. Trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền vốn hụi 1.843.000đ (một triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

2.149. Trả cho bà Võ Kim T số tiền vốn hụi 1.655.000đ (một triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

2.150. Trả cho bà Nguyễn Thị P (vợ T) số tiền vốn hụi 6.220.000đ (sáu triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).

Số tiền 18.000.000đ do gia đình bị cáo nộp khắc phục trong quá trình xét xử, theo biên lai thu số 005870 ngày 20/7/2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh bạc Liêu, được đối trừ cho các bị hại trong giai đoạn thi hành án, theo tỷ lệ phần trăm số tiền bị cáo nợ các bị hại.

3. Về án phí hình sự, dân sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Thu H được miễn nộp toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án hình sự sơ thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh (01);
- VKSND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh (01) ;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02);
- Cơ quan điều tra CA. tỉnh Bạc Liêu (01);
- Phòng Thi hành án hình sự CA tỉnh Bạc Liêu (01) ;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Bạc Liêu (01);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu (01);
- Bị cáo (01);
- Bị hại (150) ;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (70)
- Người bảo chữa (01);
- Sở Tư Pháp;
- Lưu.

(Đã ký)

Bùi Anh Tuấn